

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/2020/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày 27 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, Ban, ngành, đơn vị sự nghiệp và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019);

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2929/TTr-SNV ngày 21 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, Ban, Ngành, đơn vị sự nghiệp và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

1. Khoản 1, khoản 3 Điều 6 được sửa đổi như sau:

“Điều 6. Cách chấm điểm

1. Hoàn thành các nhiệm vụ quy định tại Điều 4 hoặc Điều 5 của Quy chế này, đạt 800 điểm.”

3. Cách tính điểm cộng, điểm trừ chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này. Điểm trừ của một nhiệm vụ chung không quá điểm hoàn thành của nhiệm vụ chung đó.”

2. Điều 9 được sửa đổi như sau:

“Điều 9. Xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

Là những cơ quan, đơn vị đạt được tất cả những tiêu chí sau:

1.1. Có tổng số điểm từ 950 điểm trở lên.

1.2. Có thành tích xuất sắc, nổi bật; giải quyết hoặc tham mưu giải quyết hoàn thành các công việc được giao đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả cao, có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.3. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị không bị kỷ luật.

1.4. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổ chức thuộc quyền quản lý không bị kỷ luật ở mức cách chức, bãi nhiệm, buộc thôi việc.

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Là những cơ quan, đơn vị đạt được tất cả những tiêu chí sau:

2.1. Đáp ứng được các tiêu chí quy định tại điểm 1.3, điểm 1.4 khoản 1 Điều này.

2.2. Có tổng số điểm từ 850 điểm đến dưới 950 điểm.

2.3. Giải quyết hoặc tham mưu giải quyết hoàn thành các công việc được giao đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

3. Hoàn thành nhiệm vụ

Là những cơ quan, đơn vị có một trong những tiêu chí sau:

3.1. Tổng số điểm từ 750 điểm đến dưới 850 điểm;

3.2. Giải quyết hoặc tham mưu giải quyết hoàn thành các công việc được giao nhưng chưa đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả, đề cấp trên phải đôn đốc, nhắc nhở bằng văn bản không quá 02 lần.

3.3. Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị có hành vi vi phạm các quy định của đảng, nhà nước nhưng chưa đến mức xử lý kỷ luật.

3.4. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổ chức thuộc quyền quản lý bị kỷ luật ở mức cách chức, bãi nhiệm, buộc thôi việc.

3.5. Công chức, viên chức không giữ chức vụ quản lý vi phạm pháp luật bị Tòa án kết án phạt tù.

4. Không hoàn thành nhiệm vụ

Là những cơ quan, đơn vị có một trong những tiêu chí sau:

4.1. Tổng số điểm dưới 750 điểm.

4.2. Giải quyết hoặc tham mưu giải quyết các công việc được giao không đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả, đề cấp trên phải đôn đốc, nhắc nhở bằng văn bản từ 03 lần trở lên.

4.3. Không thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, để xảy ra hậu quả, gây dư luận xấu, bức xúc trong xã hội; đề cấp trên yêu cầu kiểm điểm hoặc gợi ý kiểm điểm.

4.4. Tập thể lãnh đạo mất đoàn kết.

4.5. Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị bị kỷ luật.

5. Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ được sắp xếp theo thứ tự từ cao, đến thấp và chia làm 03 Khối:

5.1. Khối các Sở, Ban, ngành.

5.2. Khối các đơn vị sự nghiệp.

5.3. Khối Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

6. Trường hợp các cơ quan, đơn vị có số điểm bằng nhau, cơ quan nào có số điểm của nhiệm vụ chung cao hơn thì cơ quan, đơn vị đó được xếp loại ở thứ tự cao hơn; nếu số điểm của nhiệm vụ chung cũng bằng nhau thì Hội đồng đánh giá tiến hành bỏ phiếu kín để xếp loại theo thứ tự từ cao đến thấp; nếu kết quả kiểm phiếu vẫn bằng nhau thì Chủ tịch Hội đồng đánh giá quyết định thứ tự xếp loại.

7. Trường hợp các cơ quan, đơn vị đạt điểm hoàn thành nhiệm vụ ở mức cao nhưng không đáp ứng được các tiêu chí để xếp loại hoàn thành nhiệm vụ ở mức đó hoặc có một trong những tiêu chí quy định ở mức xếp loại hoàn thành nhiệm vụ thấp

hơn, thì bị xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ ở mức thấp hơn. Chủ tịch Hội đồng đánh giá quyết định thứ tự xếp loại và số điểm tương ứng”.

Điều 2. Bãi bỏ các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, Ban, ngành, đơn vị sự nghiệp và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Điều 3. Giám đốc các Sở; Thủ trưởng Ban, Ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2020./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Khánh

PHỤ LỤC 1

Cách tính điểm các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, Ban, ngành
(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh)

Nhiệm vụ	Điểm hoàn thành	Tiêu chí, căn cứ tính điểm	Điểm cộng	Điểm trừ
I. Nhiệm vụ trọng tâm (gồm 02 nhiệm vụ, mỗi nhiệm vụ hoàn thành tính 150 điểm)	300	1. Những chỉ tiêu định lượng		
		- Hoàn thành vượt kế hoạch	0,5 điểm/01% vượt kế hoạch (không quá 05 điểm/01 chỉ tiêu)	
		- Hoàn thành từ 98% đến dưới 100% kế hoạch		10% số điểm
		- Hoàn thành từ 95% đến dưới 98% kế hoạch		20% số điểm
		- Hoàn thành từ 70% đến dưới 95% kế hoạch		40% số điểm
		- Hoàn thành từ 50% đến dưới 70% kế hoạch		80% số điểm
		- Hoàn thành dưới 50% kế hoạch		Không chấm điểm
		2. Những chỉ tiêu định tính		

		- Hoàn thành trước thời hạn	3 điểm/01 nhiệm vụ	
		- Hoàn thành trong năm nhưng không đúng thời hạn		50% số điểm
		- Không hoàn thành trong năm		Không chấm điểm
II. Nhiệm vụ chung	500			
1. Chất lượng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền ban hành. Các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật tham mưu, đề xuất với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao đảm bảo đúng quy định, có tính khả thi.	100	Tham mưu ban hành văn bản trái quy định phải bãi bỏ.		Không chấm điểm cả nhiệm vụ này
		Văn bản tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành nhưng không đảm bảo quy trình hoặc thiếu tính khả thi.		20 điểm/01 văn bản (nếu lỗi do cơ quan thẩm định hoặc tổng hợp, trình phê duyệt thì trừ điểm của cơ quan đó)
2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước. Chỉ đạo, điều hành thực hiện kịp thời, có hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước	100	Kết quả giải quyết các công việc được giao trong năm đánh giá (ngoài 02 nhiệm vụ trọng tâm đã được phê duyệt; theo Báo cáo của Tổ công tác của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh):		

<p>của ngành, lĩnh vực được giao; thực hiện tốt quy chế phối hợp, chế độ thông tin, báo cáo; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; không bị Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản.</p>	- Không hoàn thành trong năm		20 điểm/01 nhiệm vụ
	- Hoàn thành trong năm nhưng quá thời hạn		
	+ Tổng số được giao dưới 100 nhiệm vụ		20 điểm/01 nhiệm vụ quá hạn
	+ Tổng số được giao từ 100 đến dưới 200 nhiệm vụ		20 điểm/01% nhiệm vụ quá hạn
	+ Tổng số được giao từ 200 đến dưới 900 nhiệm vụ		Thêm 50 nhiệm vụ thì giảm 01 điểm trừ/01% nhiệm vụ quá hạn
	+ Tổng số được giao từ 900 nhiệm vụ trở lên		05 điểm/01% nhiệm vụ quá hạn
	+ Đối với những nhiệm vụ do thời hạn giao quá gấp hoặc do nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành đúng thời hạn; nêu cơ quan, đơn vị đã có văn bản giải trình và		

		được Tổ công tác của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xác nhận thì không trừ điểm		
		Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (nếu có) đạt dưới 100%		01 điểm/01% không hoàn thành
		Chấp hành chế độ thông tin báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh không đúng quy định		Chậm thời hạn: 05 điểm/01 báo cáo; Không có báo cáo: 10 điểm/01 báo cáo.
		Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản		15 điểm/01 lần
		Ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, bãi bỏ bằng quyết định của cấp có thẩm quyền		20 điểm/01 văn bản
3. Thực hiện các quy định của đảng, nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị; các quy định về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tập thể	100	Chưa ban hành đầy đủ Chương trình, kế hoạch công tác năm, Quy chế làm việc, Quy chế dân chủ, Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công; Chương trình, Kế hoạch phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		10 điểm/01 văn bản

<p>lãnh đạo, cơ quan đoàn kết, dân chủ; giữ gìn kỷ luật, kỷ cương hành chính. Ban hành và thực hiện có hiệu quả các Quy chế, Quy định trong hoạt động của cơ quan; Chương trình, Kế hoạch công tác năm, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng. Thực hiện đúng các quy định về công tác cán bộ thuộc quyền quản lý; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị giữ gìn đoàn kết nội bộ, không vi phạm các quy định của đảng, nhà nước, không bị cơ quan có thẩm quyền Quyết định kỷ luật. Thực hiện đúng các quy định về văn thư, lưu trữ. Tổ chức tiếp công dân đúng quy định; giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết dứt điểm các đơn, thư khiếu nại, tố cáo và thực hiện các kết luận, quyết định về giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật; chấp hành đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>Không thực hiện đúng quy định về công tác quản lý, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc thẩm quyền quản lý</p>	30 điểm
	<p>Không thực hiện đúng các quy định của Trung ương, của tỉnh về kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy</p>	20 điểm
	<p>Không thực hiện đạt chỉ tiêu tinh giản biên chế được giao</p>	20 điểm
	<p>Không thực hiện đúng các quy định về văn thư, lưu trữ</p>	10 điểm
	<p>Không tổ chức tiếp dân theo đúng quy định</p>	10 điểm
	<p>Không giải quyết kịp thời, dứt điểm, đúng pháp luật theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết đối với đơn thư khiếu nại, tố cáo</p>	10 điểm
	<p>Có đơn thư khiếu nại, tố cáo (trừ đơn, thư nặc danh) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư phản ánh</p>	10 điểm/01 đơn thư
	<p>Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quyết định và kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.</p>	10 điểm

<p>4. Kết quả cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị.Đẩy mạnh cải cách hành chính, phấn đấu nâng cao chỉ số cải cách hành chính trên các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Bộ chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.</p>	200	Căn cứ kết quả xác định chỉ số CCHC hàng năm để tính điểm hệ số 2 cho nhiệm vụ này (Ví dụ: Chỉ số CCHC năm 2015 của Sở A là 85%, thì điểm của nhiệm vụ này là 170 điểm)		
<p>5. Các tiêu chí tính điểm cộng</p>		Có đề tài, dự án KHCN đã được Hội đồng khoa học cấp tỉnh trở lên công nhận, nghiệm thu (chỉ cộng điểm đối với cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện đề tài, dự án).	05 điểm/01 đề tài, dự án	
		Cơ quan, đơn vị có mô hình, điển hình tiên tiến được UBND tỉnh công nhận để nhân rộng	05 điểm/01 mô hình, điển hình	

PHỤ LỤC 2**Cách tính điểm các tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm
đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh***(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh)*

Nhiệm vụ	Điểm hoàn thành	Tiêu chí, căn cứ tính điểm	Điểm cộng	Điểm trừ
I. Chất lượng và kết quả thực hiện Kế hoạch công tác năm	400	1. Chất lượng Kế hoạch công tác năm		
		Các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch công tác năm không rõ ràng, không xác định được kết quả hoặc sản phẩm công việc, thời gian hoàn thành và không phân công cơ quan, tổ chức có trách nhiệm triển khai		Không chấm điểm đối với nhiệm vụ đó
		2. Những chỉ tiêu định lượng		
		- Hoàn thành vượt kế hoạch	0,5 điểm/01% vượt kế hoạch (không quá 05 điểm/01 chỉ tiêu)	
		- Hoàn thành từ 98% đến dưới 100% kế hoạch		10% số điểm
- Hoàn thành từ 95% đến dưới 98% kế hoạch		20% số điểm		

		- Hoàn thành từ 70% đến dưới 95% kế hoạch		40% số điểm
		- Hoàn thành từ 50% đến dưới 70% kế hoạch		80% số điểm
		- Hoàn thành dưới 50% kế hoạch		Không chấm điểm
		3. Những chỉ tiêu định tính		
		- Hoàn thành trước thời hạn	03 điểm/01 nhiệm vụ	
		- Hoàn thành trong năm nhưng không đúng thời hạn		50% số điểm
		- Không hoàn thành trong năm		Không chấm điểm
IIS. Nhiệm vụ chung	400			
1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công. Chỉ đạo, điều hành thực hiện kịp thời, có hiệu quả các nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công của ngành, lĩnh vực được giao; thực hiện tốt quy chế phối hợp, chế độ thông tin, báo cáo; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; không bị Ủy ban nhân	150	Kết quả giải quyết các công việc được giao trong năm đánh giá (theo Báo cáo của Tổ công tác của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh):		
		- Không hoàn thành trong năm		20 điểm/01 nhiệm vụ
		- Hoàn thành trong năm nhưng quá thời hạn		
		+ Tổng số được giao dưới 100 nhiệm vụ		20 điểm/01 nhiệm vụ quá hạn

dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản.	+ Tổng số được giao từ 100 đến dưới 200 nhiệm vụ		20 điểm/01% nhiệm vụ quá hạn
	+ Tổng số được giao từ 200 đến dưới 900 nhiệm vụ		Thêm 50 nhiệm vụ thì giảm 01 điểm trừ/01% nhiệm vụ quá hạn
	+ Tổng số được giao từ 900 nhiệm vụ trở lên		05 điểm/01% nhiệm vụ quá hạn
	+ Đối với những nhiệm vụ do thời hạn giao quá gấp hoặc do nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành đúng thời hạn; nếu cơ quan, đơn vị đã có văn bản giải trình và được Tổ công tác của Chủ tịch UBND tỉnh xác nhận thì không trừ điểm		
	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (nếu có) đạt dưới 100%		01 điểm/01% không hoàn thành
	Chấp hành chế độ thông tin báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh không đúng quy định		Chậm thời hạn: 05 điểm/01 báo cáo; Không có báo cáo: 10

				điểm/01 báo cáo.
		Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản		15 điểm/01 lần
		Ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, bãi bỏ bằng quyết định của cấp có thẩm quyền		20 điểm/01 văn bản
2. Thực hiện các quy định của đảng, nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị; các quy định về tiếp công dân, tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tập thể lãnh đạo, cơ quan đoàn kết, dân chủ; giữ gìn kỷ luật, kỷ cương hành chính. Ban hành và thực hiện có hiệu quả các Quy chế, Quy định trong hoạt động của cơ quan, đơn vị; Chương trình, Kế hoạch công tác năm, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị giữ gìn đoàn kết nội bộ,	150	Chưa ban hành đầy đủ Chương trình, kế hoạch công tác năm, Quy chế làm việc, Quy chế dân chủ, Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công; Chương trình, Kế hoạch phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		10 điểm/01 văn bản
		Chưa ban hành hoặc ban hành nhưng không thực hiện quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc		20 điểm
		Không tổ chức tiếp dân theo đúng quy định		10 điểm
		Không thực hiện đúng các quy định về văn thư, lưu trữ		10 điểm

không vi phạm các quy định của đảng, nhà nước, không bị cơ quan có thẩm quyền Quyết định kỷ luật. Thực hiện đúng các quy định về văn thư, lưu trữ. Tổ chức tiếp công dân theo quy định; giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết dứt điểm các đơn, thư khiếu nại, tố cáo và thực hiện các kết luận, quyết định về giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật; chấp hành đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.		Không giải quyết kịp thời, dứt điểm, đúng pháp luật theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết đối với đơn thư khiếu nại, tố cáo		10 điểm
		Có đơn thư khiếu nại, tố cáo (trừ nặc danh) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư phản ánh		10 điểm/01 đơn thư
		Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quyết định và kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.		10 điểm
3. Kết quả cải cách hành chính của đơn vị Đánh giá việc chấp hành một số quy định về cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức; cải cách tài chính công và hiện đại hóa hành chính.	100	Không chấp hành hoặc chấp hành không kịp thời các quy định của Trung ương và của tỉnh trong việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy		20 điểm
		Chưa quy định đầy đủ hoặc chưa kịp thời sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc của đơn vị		20 điểm
		Thực hiện tinh giản biên chế không đạt chỉ tiêu cấp trên giao (nếu có)		20 điểm
		Bố trí sử dụng cán bộ, công chức, viên chức không theo đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt		20 điểm

	Không thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức của đơn vị	20 điểm
	Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng được giao không đúng quy định hoặc chậm thời hạn	10 điểm
	Không tham gia hoặc có công chức, viên chức tham gia nhưng không đảm bảo số lượng và thời gian của khóa đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan có thẩm quyền tổ chức	10 điểm/01 trường hợp
	Thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức không đúng quy định	20 điểm
	Không thực hiện đúng quy định về công tác quản lý, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc thẩm quyền quản lý	30 điểm
	Vi phạm các quy định về quản lý ngân sách, tài sản công	30 điểm
	Thực hiện chế độ báo cáo thực hiện cơ chế tự chủ (nếu có) không đúng quy định	10 điểm
	Trang thông tin điện tử của ngành không thường xuyên cập nhật các văn bản chỉ đạo, điều hành và các hoạt động	20 điểm
	Thực hiện quy trình xử lý văn bản đi, văn bản đến trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc của tỉnh không đúng quy định	20 điểm

PHỤ LỤC 3

Cách tính điểm các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm

đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh)

Nhiệm vụ	Điểm hoàn thành	Tiêu chí, căn cứ tính điểm	Điểm cộng	Điểm trừ
I. Nhiệm vụ trọng tâm (gồm 02 nhiệm vụ, nhiệm vụ thứ nhất hoàn thành tính 300 điểm; nhiệm vụ thứ hai hoàn thành tính 100 điểm)	400	1. Những chỉ tiêu định lượng		
		- Hoàn thành vượt kế hoạch	0,5 điểm/01% vượt kế hoạch (Nhóm A: Không quá 05 điểm/01 chỉ tiêu; Nhóm B: Không quá 02 điểm/01 chỉ tiêu) ^(*)	
		- Hoàn thành từ 98% đến dưới 100% kế hoạch		10% số điểm
		- Hoàn thành từ 95% đến dưới 98% kế hoạch		20% số điểm

		- Hoàn thành từ 70% đến dưới 95% kế hoạch		40% số điểm
		- Hoàn thành từ 50% đến dưới 70% kế hoạch		80% số điểm
		- Hoàn thành dưới 50% kế hoạch		Không chấm điểm
		2. Những chỉ tiêu định tính		
		- Hoàn thành trước thời hạn	03 điểm/01 nhiệm vụ	
		- Hoàn thành trong năm nhưng không đúng thời hạn		50% số điểm
		- Không hoàn thành trong năm		Không chấm điểm
II. Nhiệm vụ chung	400			
1. Kết quả chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn. Chấp hành nghiêm chỉnh, kịp thời và sáng tạo trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt quy chế phối hợp; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; không bị Ủy	100	Kết quả giải quyết các công việc được giao trong năm đánh giá (ngoài 02 nhiệm vụ trọng tâm đã được phê duyệt; theo Báo cáo của Tổ công tác của Chủ tịch UBND tỉnh):		
		- Không hoàn thành trong năm		20 điểm/01 nhiệm vụ
		- Hoàn thành trong năm nhưng quá thời hạn		

<p>ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản. Thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm và dứt điểm đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, mất vệ sinh an toàn thực phẩm; kịp thời xử lý, khoanh vùng điểm dịch bệnh không để lây lan.</p>	+ Tổng số được giao dưới 100 nhiệm vụ	20 điểm/01 nhiệm vụ quá hạn
	+ Tổng số được giao từ 100 đến dưới 200 nhiệm vụ	20 điểm/01% nhiệm vụ quá hạn
	+ Tổng số được giao từ 200 đến dưới 900 nhiệm vụ	Thêm 50 nhiệm vụ thì giảm 01 điểm trừ/01% nhiệm vụ quá hạn
	+ Tổng số được giao từ 900 nhiệm vụ trở lên	05 điểm/01% nhiệm vụ quá hạn
	+ Đối với những nhiệm vụ do thời hạn giao quá gấp hoặc do nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành đúng thời hạn; nếu cơ quan, đơn vị đã có văn bản giải trình và được Tổ công tác của Chủ tịch UBND tỉnh xác nhận thì không trừ điểm	
	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước đạt dưới 100%	01 điểm/01%

				không hoàn thành
		Chấp hành chế độ thông tin báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh không đúng quy định		Chậm thời hạn: 05 điểm/01 báo cáo; Không có báo cáo: 10 điểm/01 báo cáo.
		Ủy ban nhân dân, Chủ tịch UBND tỉnh phê bình bằng văn bản		15 điểm/01 lần
		Ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, bãi bỏ bằng quyết định của cấp có thẩm quyền		20 điểm/01 văn bản
		Không kiểm tra, xử lý nghiêm và dứt điểm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường, mất vệ sinh an toàn thực phẩm		15 điểm/01 vụ việc
		Không kiểm soát, xử lý, khoanh vùng để dịch bệnh bùng phát, lây lan trên địa bàn		15 điểm/01 vụ việc
2. Thực hiện các quy định của đảng, nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị; các quy định về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tập thể	100	Chưa ban hành đầy đủ Chương trình, kế hoạch công tác năm, Quy chế làm việc, Quy chế dân chủ, Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công; Chương trình, Kế hoạch phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		10 điểm/01 văn bản

<p>lãnh đạo, cơ quan đoàn kết, dân chủ; giữ gìn kỷ luật, kỷ cương hành chính. Ban hành và thực hiện có hiệu quả các Quy chế, Quy định trong hoạt động của cơ quan; Chương trình, Kế hoạch công tác năm, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng. Thực hiện đúng các quy định về công tác cán bộ thuộc quyền quản lý; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị giữ gìn đoàn kết nội bộ, không vi phạm các quy định của đảng, nhà nước, không bị cơ quan có thẩm quyền Quyết định kỷ luật. Thực hiện đúng các quy định về văn thư, lưu trữ. Tổ chức tiếp công dân đúng quy định; giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết dứt điểm các đơn, thư khiếu nại, tố cáo và thực hiện các kết luận, quyết định về giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật; chấp hành đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>Không thực hiện đúng quy định về công tác quản lý, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc thẩm quyền quản lý</p>	30 điểm
	<p>Không thực hiện đúng các quy định của Trung ương, của tỉnh về kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy</p>	20 điểm
	<p>Không thực hiện đạt chỉ tiêu tinh giản biên chế được giao</p>	20 điểm
	<p>Không thực hiện đúng các quy định về văn thư, lưu trữ</p>	10 điểm
	<p>Không tổ chức tiếp dân theo đúng quy định</p>	10 điểm
	<p>Không giải quyết kịp thời, dứt điểm, đúng pháp luật theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết đối với đơn thư khiếu nại, tố cáo</p>	10 điểm
	<p>Có đơn thư khiếu nại, tố cáo (trừ đơn, thư nặc danh) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư phản ánh</p>	10 điểm/01 đơn thư
	<p>Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quyết định và kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.</p>	10 điểm

3. Kết quả cải cách hành chính của đơn vị. Đẩy mạnh cải cách hành chính, phấn đấu nâng cao chỉ số cải cách hành chính trên các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Bộ chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.	200	Căn cứ kết quả xác định chỉ số CCHC hàng năm để tính điểm hệ số 2 cho nhiệm vụ này (Ví dụ: Chỉ số CCHC năm 2015 của huyện A là 88%, thì điểm của nhiệm vụ này là 176 điểm)		
4. Các tiêu chí tính điểm cộng		Có đề tài, dự án KHCN đã được Hội đồng khoa học cấp tỉnh trở lên công nhận, nghiệm thu (chỉ cộng điểm đối với đơn vị được giao chủ trì thực hiện đề tài, dự án).	05 điểm/01 đề tài, dự án	
		Địa phương có mô hình, điển hình tiên tiến được UBND tỉnh công nhận để nhân rộng	05 điểm/01 mô hình, điển hình	

Chú thích (*):

- **Nhóm A:** Các chỉ tiêu: Tổng thu ngân sách trên địa bàn; Tỷ lệ hộ nghèo; Các tiêu chí về nông thôn mới.
- **Nhóm B:** Các chỉ tiêu còn lại.

